

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH XUYỀN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/HNGĐ - ST

Ngày 21 - 5- 2020

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH XUYỀN. TỈNH VĨNH PHÚC

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quang Thái

2. Bà Lê Thị Bích Thuận.

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Nhật Mai; Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 340/2019/TLST - HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2020/QĐXXST -HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phan Thị A, sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc “có mặt”.

2. *Bị đơn:* Anh Vũ Quang Đ, sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 12 năm 2019 và những lời khai tiếp theo tại tòa nguyên đơn là chị Phan Thị A trình bày:

Chị và anh Đ kết hôn với nhau vào ngày 03 tháng 10 năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Gia Khánh, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc. Trước khi kết hôn vợ chồng được tự do tìm hiểu, sau khi kết hôn, vợ chồng chị về chung sống cùng gia đình anh Đ tại thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc

sau đó đến 2006 vợ chồng ra ở riêng. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc trong thời gian ngắn, nhưng ngay sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hiểu nhau, không tìm được tiếng nói chung dẫn đến bất đồng về quan điểm sống, hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau, nghi ngờ nhau không chung thủy. Anh Đ chơi bời không chừa chu làm ăn; thường xuyên uống rượu say về đánh chị; mâu thuẫn trầm trọng vào khoảng năm 2018. Chị đã cố gắng chịu đựng hàn gắn tình cảm vì con cái nhưng không có kết quả. Chị đã chuyển ra ngoài sinh sống từ tháng 11 năm 2019 cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Chị và anh Đ có 03 con chung là cháu Vũ Phan Thanh T, sinh ngày 26 tháng 8 năm 2005; cháu Vũ Phương A, sinh ngày 29 tháng 5 năm 2008; cháu Vũ Ngọc A, sinh ngày 22 tháng 01 năm 2012. Hiện nay cháu Vũ Ngọc A đang ở với chị; cháu T và Phương A đang ở với anh Đ. Ly hôn chị xin nuôi cả 3 cháu; chị không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị; tuy nhiên tại phiên tòa chị A đề nghị xin được nuôi 2 cháu nhỏ là Vũ Ngọc A và Vũ Phương A còn để anh Đ nuôi cháu Vũ Phan Thanh T, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị xin tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị đơn anh Vũ Quang Đ trình bày tại bản tự khai như sau: Anh thừa nhận việc kết hôn và đăng ký kết hôn và quá trình vợ chồng chung sống cũng như có phát sinh mâu thuẫn vợ chồng như chị A trình bày ở trên là đúng. Theo anh nguyên nhân xuất phát từ vợ chồng trẻ không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Nay chị A làm đơn xin ly hôn anh có nguyện vọng đoàn tụ vì các con, nếu chị A vẫn cương quyết xin ly hôn thì anh đồng ý vì anh xác định tình cảm vợ chồng không còn.

Về con chung: Anh và chị A có 03 con chung như chị A trình bày ở trên là đúng. Ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục cả 3 cháu. Anh không yêu cầu chị A phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con anh không cản trở gây khó khăn.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng mối quan hệ có tranh chấp, xác định đúng tư cách đương sự, lập hồ sơ vụ án, cho các đương sự trình bày đầy đủ, lập biên bản giao nhận các văn bản tố tụng, tổng đạt thông báo thụ lý, ra quyết định xét xử, giao hồ sơ cho Viện kiểm sát đảm bảo thời gian đúng quy định, việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố

tụng cũng được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị A, cho chị Phan Thị A được ly hôn anh Vũ Quang Đ.

Về nuôi con chung: Giao cho chị Phan Thị A được nuôi cháu Vũ Phương A, sinh ngày 29 tháng 5 năm 2008 và cháu Vũ Ngọc A, sinh ngày 22 tháng 01 năm 2012, giao cho anh Vũ Quang Đ nuôi cháu cháu Vũ Phan Thanh T, sinh ngày 26 tháng 8 năm 2005, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về chia tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị Phan Thị A chịu cả theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Do các đương sự đều đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Quan hệ pháp luật mà Tòa án đang giải quyết là tranh chấp về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Cuộc hôn nhân giữa chị Phan Thị A và anh Vũ Quang Đ là hợp pháp, được cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký kết hôn, sau khi kết hôn anh chị chung sống tại thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng không hiểu nhau, không tìm được tiếng nói chung dẫn đến bất đồng về quan điểm sống, hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Chị A đã bỏ ra ngoài sinh sống từ tháng 11 năm 2019 cho đến nay, vợ chồng đã có thời gian sống ly thân. Quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa hôm nay chị Phan Thị A vẫn giữ quan điểm xin ly hôn anh Vũ Quang Đ. Về phía anh Đ tại bản tự khai không đồng ý ly hôn với chị A nhưng tại buổi hòa giải ngày 31 tháng 12 năm 2019 anh Đ có quan điểm nếu chị A vẫn cương quyết xin ly hôn thì anh đồng ý ly hôn vì anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, điều đó thể hiện hôn nhân của chị A và anh Đ đã trầm trọng, không thể hàn gắn được, mâu thuẫn giữa chị A và anh Đ đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được; vì vậy cần giải quyết cho Phan Thị A và anh Vũ Quang Đ được ly hôn như đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Phan Thị A và anh Vũ Quang Đ có 03 con chung là cháu Vũ Phương A, sinh ngày 29 tháng 5 năm 2008; cháu Vũ Ngọc A, sinh ngày 22 tháng 01 năm 2012 và cháu Vũ Phan Thanh T, sinh ngày 26 tháng 8 năm 2005;

hiện nay cháu Vũ Ngọc A đang ở với chị A, còn cháu Vũ Phương A và cháu Vũ Phan Thanh T đang ở với anh Đ. Ly hôn cả chị A và anh Đ đều có nguyện vọng xin trực tiếp nuôi cả ba con, tuy nhiên tại phiên tòa chị A đề nghị xin được nuôi 2 cháu nhỏ là cháu Vũ Ngọc A và Vũ Phương A còn để anh Đ nuôi cháu Vũ Phan Thanh T, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai. Hội đồng xét xử thấy rằng nguyện vọng xin nuôi con của các đương sự là hợp pháp và cả hai bên đều có đầy đủ các điều kiện để được trực tiếp nuôi con. Vì vậy, giao cho chị Phan Thị A được nuôi cháu Vũ Phương A, sinh ngày 29 tháng 5 năm 2008 và cháu Vũ Ngọc A, sinh ngày 22 tháng 01 năm 2012; giao cho anh Vũ Quang Đ nuôi cháu Vũ Phan Thanh T, sinh ngày 26 tháng 8 năm 2005, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở là phù hợp.

[4] Về chia tài sản: Các đương sự không đề nghị giải quyết nên Tòa không xét.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Phan Thị A phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho chị Phan Thị A và anh Vũ Quang Đ ly hôn.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Phan Thị A được nuôi cháu Vũ Phương A, sinh ngày 29 tháng 5 năm 2008 và cháu Vũ Ngọc A, sinh ngày 22 tháng 01 năm 2012; giao cho anh Vũ Quang Đ nuôi cháu Vũ Phan Thanh T, sinh ngày 26 tháng 8 năm 2005, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Phan Thị A phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số: AA/2017/0006023 ngày 14 tháng 01 năm 2020 của Chi cục Thi hành dân sự huyện Bình Xuyên; chị Phan Thị A đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời

hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Bình Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Bình Xuyên;
- Ủy ban nhân dân xã Gia Khánh;
- Lưu HS + VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hiền